

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 26-02-2020

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Tuyết

Bà Lê Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Vi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 167/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Ngọc K**

Địa chỉ: Số 07 Phòng K, phường P, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Võ Thị H** (Võ Thị Kim H)

Địa chỉ: Số 07 Phòng K, phường P, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn, bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn trình bày về việc ly hôn tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Ngọc K trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H) kết hôn năm 1990, có đăng ký kết hôn. Bà H tên trong giấy chứng minh nhân dân là Võ Thị H nhưng khi đăng ký kết hôn có sự nhầm lẫn nên ghi là Võ Thị Kim H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Bà

H đã nhiều lần xúc phạm danh dự của ông. Đầu năm 2019 ông đã nộp đơn xin ly hôn, nhưng Tòa án đã hòa giải và lúc đó con trai ông sắp lấy vợ nên ông đã rút đơn để tổ chức hôn lễ cho con. Sau đó giữa ông và bà H cũng không thể tiếp tục sống chung được, nên ông đã dọn ra ở riêng từ đó đến nay. Ông và bà H không thể nói chuyện được với nhau vì mỗi lần nói chuyện là có xung đột xảy ra. Ông không còn tình cảm với bà H nữa nên xin ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Phạm Ngọc H sinh ngày 07/11/1990 và Phạm Ngọc P sinh ngày 29/9/1991. Cả hai con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông tự giải quyết.

* *Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H) trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1990 bà H kết hôn với ông Phạm Ngọc K. Khi đăng ký kết hôn, do nhầm lẫn nên giấy kết hôn ghi tên bà là Võ Thị Kim H. Trong thời gian chung sống, do ông K có quen với người phụ nữ khác bên ngoài nên bà có ghen tuông. Đã hơn nửa năm nay ông K chuyển ra ngoài sống không về nhà nữa, bà gọi điện thì ông K không nghe máy. Nay ông K xin ly hôn bà không đồng ý vì bà sợ sau này ông K sẽ hối hận với quyết định này, bà muốn đến khi nào con trai thứ hai của vợ chồng lập gia đình rồi lúc đó mới tính tiếp.

- Về con chung: Bà và ông K có 02 con chung là Phạm Ngọc H sinh ngày 07/11/1990 và Phạm Ngọc P sinh ngày 29/9/1991. Cả hai con chung đã trưởng thành khỏe mạnh.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 167/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K đã căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Phạm Ngọc K được ly hôn bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H).

- Về con chung: Cả hai con chung đã trưởng thành khỏe mạnh nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Ông Phạm Ngọc K phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông K đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015139 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N, ông K đã nộp đủ án phí.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, bà Võ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Qua lời trình bày của các bên đương sự cho thấy cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được, không còn yêu thương và tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ khi vụ án thụ lý phúc thẩm cho đến nay, bà H cũng không cung cấp tài liệu nào thể hiện việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị ly hôn bà H. Vì vậy, Viện kiểm sát nhận thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H. Các vấn đề khác không có kháng cáo, nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị H làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày: Ông K do có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên nên mới làm đơn ly hôn bà. Thực tế, bà vẫn còn tình cảm với ông K nên không muốn ly hôn, bà chỉ đồng ý ly thân với ông K để đợi con trai thứ hai lập gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Lý do bà H nêu ra tại phiên tòa là thiếu tính thuyết phục. Bởi lẽ: Bà H không đồng ý ly hôn với ông K không phải do bà còn tình cảm với ông K, mà vì bà muốn con trai thứ hai kết hôn xong mới đồng ý ly hôn với ông K. Mặt khác, bà cho rằng ông K có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên muốn ly hôn bà, nhưng trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bà H vẫn không cung cấp cho Tòa án các bằng chứng để chứng minh điều này, nên việc bà H nêu ra không có tính xác thực. Trên thực tế, ông K đã từng nộp đơn ly

hôn tại Tòa án, rồi rút đơn do được Tòa án hòa giải. Nhưng sau khi rút đơn cuộc sống vợ chồng, quan hệ tình cảm giữa ông và bà H cũng không được cải thiện, việc cãi vã và mâu thuẫn vẫn xảy ra, bà H cũng không có giải pháp nào tích cực nào để hàn gắn, cải thiện mối quan hệ vợ chồng, nên ông K lại yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Hơn nữa, ông K đã dọn ra ở riêng từ đầu năm 2019 cho đến nay và tại phiên tòa ông K vẫn xác định ông không còn tình cảm với bà H. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, quan hệ tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc K được ly hôn với bà Võ Thị H là có căn cứ, nên kháng cáo của bà H không có cơ sở nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận.

Các nội dung khác không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị H; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 167/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Phạm Ngọc K được ly hôn bị đơn bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H).

2. Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành khỏe mạnh nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí:

4.1 Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc K phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông K đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015139 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Ông K đã nộp đủ án phí.

4.2 Án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị H (Võ Thị Kim H) phải nộp án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015657 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thúy Phượng